

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thị trường chứng khoán thế giới tiếp tục điều chỉnh sau những thông tin về tình hình khủng hoảng nợ tại Châu Âu.

Chứng khoán Mỹ mở cửa với tâm lý nhà đầu tư được cải thiện dần sau phiên sụt giảm khá mạnh trước đó với sự hồi phục nhẹ của nhóm cổ phiếu ngành tài chính. Tuy nhiên sự lạc quan chỉ duy trì được trong thời gian ngắn, trước khi hãng xếp hạng tín dụng Moody's tuyên bố đang xem lại đánh giá tín dụng của Bồ Đào Nha và nhiều khả năng quốc gia này sẽ bị đánh tụt từ 1 tới 2 mức. Chỉ số Dow Jones rơi xuống mức thấp nhất kể từ tháng Ba.

Tại Châu Âu, các thị trường chứng khoán lớn tiếp tục bị nhấn chìm trong sắc đỏ. Đã có ít nhất 3 người thiệt mạng trong cuộc biểu tình phản đối các chính sách khắc khổ và tăng thuế của Chính phủ tại thủ đô Athens – Hy Lạp. Mặc dù đạt được cam kết về những khoản vay từ EU và IMF, việc thực hiện những cam kết thắt lưng buộc bụng và tăng thu ngân sách của Hy Lạp – điều kiện đi kèm với gói cứu trợ dành cho Hy Lạp là hết sức khó khăn do làn sóng phản đối trong nước ngày càng lên cao. Giới phân tích lo ngại khả năng kinh tế Hy Lạp có thể cải thiện – điều kiện cần để nước này tự giải thoát khỏi khủng hoảng, trong khi thất nghiệp tràn lan và những sắc thuế mới sẽ không khuyến khích các doanh nghiệp vốn đã gặp rất nhiều khó khăn do nhu cầu tiêu dùng giảm sút.

Tại thị trường Châu Á, hầu hết các chỉ số chứng khoán đều giảm điểm trong phiên ngày hôm qua. Chỉ số chứng khoán Thượng Hải tăng nhẹ nhờ phiên hồi phục kỹ thuật của nhóm ngành bất động sản. Thị trường chứng khoán Trung Quốc đã phản ứng khá mạnh sau một loạt chính sách thắt chặt tín dụng và kiểm chế sự bùng nổ của thị trường bất động sản được đưa ra trong thời gian vừa qua.

Đô la Mỹ tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới do đồng euro tiếp tục trượt sâu. Vàng bật mạnh lên sát mức 1180 đô la/ounce do quan ngại tình hình nợ tại Châu Âu tiếp tục xấu đi. Giá dầu giảm xuống dưới 80 đô la/thùng sau khi Cơ quan năng lượng Mỹ công bố lượng dầu tự trữ tiếp tục tăng trong tuần trước, lên mức 360,6 triệu thùng.

Tại Việt Nam, lãi suất liên ngân hàng cuối tháng Tư tiếp tục xu hướng giảm, đặc biệt tại các kỳ trung và dài hạn. Điều này phù hợp với kỳ vọng một mặt bằng lãi suất thấp hơn sẽ được thiết lập trong trung hạn sau nỗ lực vượt bậc của giới ngân hàng.

Giá đô la Mỹ tiếp tục ở mức thấp so với đồng VND, tuy nhiên đã giảm dường như đã chững lại. Tỷ giá VND/USD đã giảm mạnh trong thời gian vừa qua, và đã có dấu hiệu cho thấy cân bằng đang được tạo lập giữa cung và cầu đồng ngoại tệ này.

Thị trường chứng khoán thế giới

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	10.868,12	-58,65	-0,54
Nasdaq	2.402,29	-21,96	-0,91
S&P 500	1.165,87	-7,73	-0,66
Châu Âu			
FTSE 100	5.341,93	-69,18	-1,28
DAX 30	5.958,45	-48,41	-0,81
CAC 40	3.636,03	-53,26	-1,44
Châu Á			
Nikkei 225	11.057,4	+132,61	+1,21
Hang Seng	20.327,54	-453,51	-2,1
Shanghai	2.851,15	+21,87	+0,77

Thị trường dầu, vàng và dollar

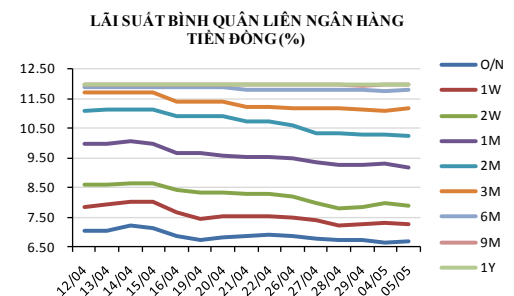
	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	79,75	6:19 pm
Vàng ²	1.177,5	6:01 pm
US dollar index	84,2	5:33 pm

1- Dầu thô nhẹ giao tháng 6 - New York Mercantile Exchange

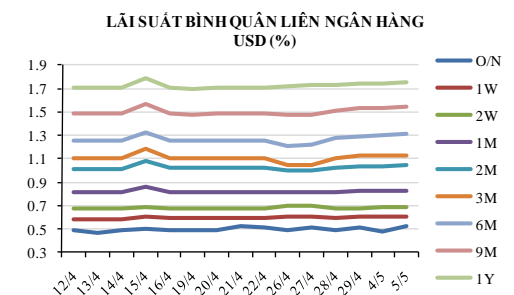
2- Vàng kỳ hạn giao tháng 6 - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

Nguồn: Yahoo Finance



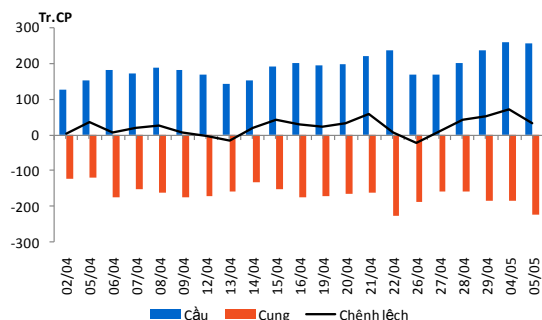
Nguồn: Thomson Reuters



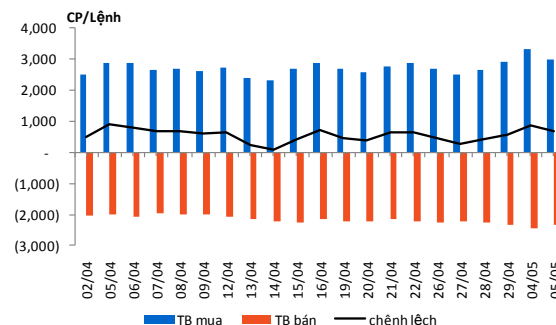
Nguồn: Thomson Reuters

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

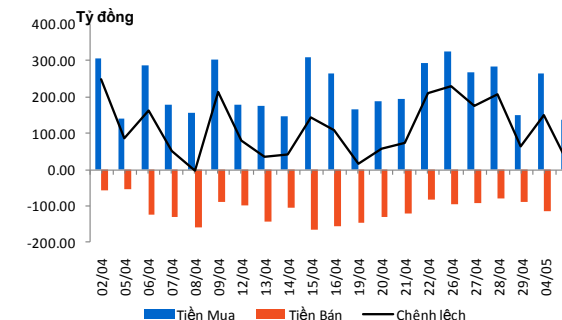
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

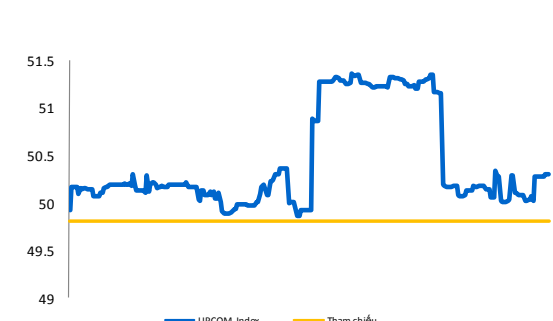
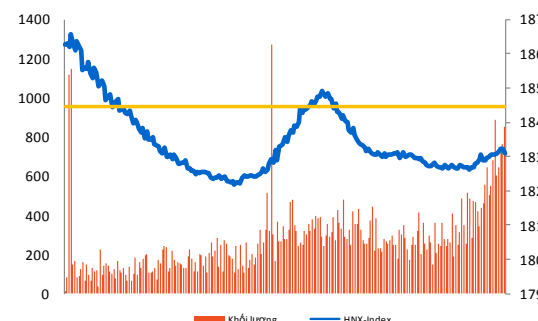
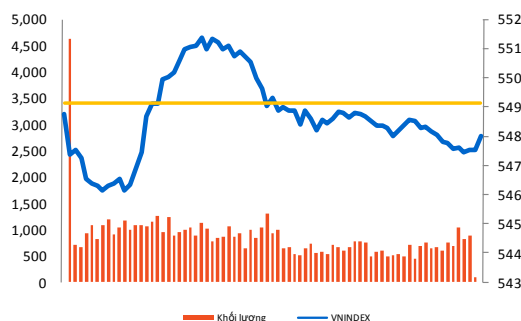
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	548.01 ↓	-1.11	-0.20%
KLGD (triệu ck)	86.70 ↓	-2.47	-2.77%
GTGD (tỷ đồng)	3,267.75 ↑	44.06	1.37%
Tổng cung (triệu ck)	140.31 ↑	12.50	9.78%
Tổng cầu (triệu ck)	152.84 ↓	-20.09	-11.62%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.46 ↓	-1.81	-42.42%
KL bán (triệu ck)	3.18 ↑	0.48	17.81%
Giá trị mua (tỷ đồng)	128.65 ↓	-121.30	-48.53%
Giá trị bán (tỷ đồng)	106.37 ↑	1.68	1.61%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	183.21 ↓	-1.10	-0.60%
KLGD (triệu ck)	62.33 ↑	17.76	39.84%
GTGD (tỷ đồng)	2,074.13 ↑	426.66	25.90%
Tổng cung (triệu ck)	82.05 ↑	24.38	42.27%
Tổng cầu (triệu ck)	102.59 ↑	17.81	21.01%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.30 ↓	-0.02	-6.23%
KL bán (triệu ck)	0.61 ↑	0.36	145.21%
Giá trị mua (tỷ đồng)	9.95 ↓	-4.76	-32.37%
Giá trị bán (tỷ đồng)	15.59 ↑	7.15	84.76%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	50.30 ↑	0.47	0.94%
KLGD (triệu ck)	0.91 ↑	0.11	14.35%
GTGD (tỷ đồng)	16.02 ↑	4.43	38.24%
Tổng cung (triệu ck)	0.77 ↓	-0.31	-28.44%
Tổng cầu (triệu ck)	1.21 ↓	-0.68	-35.98%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	0.00	-100.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↓	0.00	-100.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↓	-0.05	-100.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↓	-0.05	-100.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VIS	75,500	79,000	4.64	147,003
KSS	83,000	80,000	-3.61	130,040
STB	22,800	22,600	-0.88	93,792
OGC	36,000	36,500	1.39	88,444
PVF	30,500	32,000	4.92	83,056

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NVN	34,000	35,700	1,700	5.00
PTC	22,000	23,100	1,100	5.00
TDC	36,000	37,800	1,800	5.00
ACL	42,200	44,300	2,100	4.98
AAM	34,300	36,000	1,700	4.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SZL	46,600	44,300	-2,300	-4.94
MCV	35,000	33,300	-1,700	-4.86
TS4	51,500	49,000	-2,500	-4.85
VPL	51,500	49,000	-2,500	-4.85
TNA	45,400	43,200	-2,200	-4.85

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	11,715	BTP	20,309
HSG	8,481	FPT	17,652
CTD	7,785	MCV	16,650
NTL	7,684	VIC	9,324
BVH	7,219	VNM	5,414

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	25,600	27,200	6.25	266,888
PVA	113,800	115,100	1.14	93,866
VCG	52,600	51,800	-1.52	68,915
PVL	38,100	37,500	-1.57	63,868
SHN	69,200	67,000	-3.18	55,892

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CT6	30,000	32,100	2,100	7.00
VMG	20,000	21,400	1,400	7.00
VE9	20,000	21,400	1,400	7.00
DID	34,300	36,700	2,400	7.00
STC	17,200	18,400	1,200	6.98

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CMC	43,000	40,000	-3,000	-6.98
B82	31,600	29,400	-2,200	-6.96
SGH	78,000	72,600	-5,400	-6.92
SME	26,100	24,300	-1,800	-6.90
PHC	46,600	43,400	-3,200	-6.87

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DID	1,852	PVX	8,517
PVE	1,810	PVI	2,290
PVS	1,516	TC6	1,220
PVI	1,290	BCC	975
PVX	1,063	BTS	472

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
UDJ	18,100	19,700	8.84	4,656
HIG	29,000	27,500	-5.17	2,278
SVS	19,000	19,000	0.00	1,770
API	11,600	12,700	9.48	1,600
ACC	38,800	38,900	0.26	855

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CT3	48,100	52,900	4,800	9.98
API	11,600	12,700	1,100	9.48
CLS	11,800	12,900	1,100	9.32
BMJ	17,500	19,100	1,600	9.14
TNB	19,000	20,700	1,700	8.95

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTP	6,100	5,500	-600	-9.84
VT1	27,500	25,000	-2,500	-9.09
CFC	27,300	25,000	-2,300	-8.42
VQC	49,500	46,000	-3,500	-7.07
HIG	29,000	27,500	-1,500	-5.17

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	32.6	39,259	↓ -0.61	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	36.2	48,330	↓ -3.21	HNX
NT2	CTCP Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.5	101	↑ 1.94	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	24.3	121,140	↑ 6.58	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	27.0	89,334	↓ -1.10	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	48.0	25,443	↓ -1.23	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	27.9	13,220	↓ -0.36	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	52.9	22,520	↓ -3.11	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	10.7	3,958	↑ 0.94	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	10.9	1,700	↓ -0.91	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	115.1	83,800	↑ 1.14	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	61.5	66,270	↓ -1.91	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	55.5	16,857	↓ -0.89	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	36.4	83,460	↑ 2.82	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	32.0	261,288	↑ 4.92	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	26.7	28,100	↓ -4.30	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	28.5	22,450	↓ -2.06	HNX
PVL	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	37.5	169,970	↓ -1.57	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	35.4	40,430	↓ -1.67	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	15.0	54,576	↑ 4.90	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	27.2	990,280	↑ 6.25	HNX

LỊCH SỰ KIỆN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty Dược và Trang thiết bị Y tế Quân đội	130	2,899,700	10,000	13/05/2010	Từ 26/04/2010 đến 06/05/2010
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn	34.2	1,213,300	10,000	12/05/2010	Từ 19/04/2010 đến 05/05/2010
CTCP Kinh khí hóa lỏng miền Nam	150	6,500,000	25,000	06/05/2010	Từ 8/4/2010 đến 27/4/2010
Xí nghiệp in Báo Thanh Niên lần 2	78.5	1,771,351	10,200	26/04/2010	Từ 02/04/2010.
Công ty công trình Viettel	238	1,925,000	10,000	08/04/2010	0

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Alphanam Cơ điện	HNX	120	04/05/2010
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HSX	80	04/05/2010
CTCP Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam	HNX	15	29/04/2010
Tổng CTCP Y tế Danameco	HNX	24.115	29/04/2010
CTCP Chứng khoán Rồng Việt	HNX	330	27/04/2010
CTCP Gạch ngói Kiên Giang	HNX	23.35961	19/04/2010
Ngân hàng TMCP Quân đội	HSX	5300	19/04/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Xi măng Tiên Sơn	HNX	29.3614	28/04/2010
CTCP Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường	HNX	25	28/04/2010
Công ty Cổ phần Vận chuyên Sài Gòn Tourist	HSX	80	27/04/2010
CTCP Nhân lực và Thương mại Vinaconex	HNX	30	27/04/2010
Công ty cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	HSX	200	27/04/2010
CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	HSX	200	27/04/2010
CTCP S.P.M	HSX	100	26/04/2010
Công ty Cổ phần Đầu tư & Khai thác Công trình Giao thông 584	HSX	360	26/04/2010
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	HSX	300	19/04/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Dược Đồng Nai	DPP	UPCOM	19.85		19/05/2010
CTCP Thép DANA - Ý	DNY	HNX	150.00		11/05/2010
CTCP Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	VCR	HNX	300.00		10/05/2010
CTCP Thương mại Học Môn	HTC	HNX	35.00		07/05/2010
CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	VHF	UPCOM			07/05/2010
CTCP Xi măng Lạng Sơn	LCC	UPCOM	49.00		06/05/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 39343888 (Ext.: 6732)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339